

Số : 174/CV/IFS-2019

Biên Hòa, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

(V/v: Giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2018)

Trước hết chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Cơ quan trong suốt thời gian qua.

Chúng tôi xin gửi báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2018 như sau:

ĐVT: Ngân VND

Các chỉ tiêu	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	%	LK Quý 4 năm 2018	LK Quý 4 năm 2017	%
Tổng doanh thu	512,973,160	478,122,256	7%	1,719,312,753	1,525,892,179	13%
Các khoản giảm trừ	59,059,338	43,788,518	35%	141,768,023	105,207,528	35%
<i>% Giảm trừ DT</i>	12%	9%		8%	7%	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>453,913,822</b>	<b>434,333,738</b>	<b>5%</b>	<b>1,577,544,730</b>	<b>1,420,684,651</b>	<b>11%</b>
Giá vốn hàng bán	286,132,678	285,964,148	0%	953,603,017	918,125,713	4%
<i>% Giá vốn hàng bán</i>	63%	66%		60%	65%	
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>167,781,144</b>	<b>148,369,590</b>	<b>13%</b>	<b>623,941,713</b>	<b>502,558,938</b>	<b>24%</b>
<i>% Lợi nhuận gộp</i>	37%	34%		40%	35%	
Doanh thu hoạt động tài chính	7,628,314	1,635,863	366%	8,463,045	8,594,690	12%
Chi phí tài chính	8,480,548	2,267,911	274%	11,814,145	11,753,483	1%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	328,383	1,067,850	-69%	2,444,401	4,496,128	46%
Chi phí bán hàng	110,975,912	106,148,035	5%	369,829,630	330,222,418	2%
<i>% Chi phí bán hàng</i>	24%	24%		23%	23%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,057,261	10,200,939	-1%	35,194,613	35,948,250	-2%
<b>Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>45,895,737</b>	<b>31,388,568</b>	<b>46%</b>	<b>215,566,370</b>	<b>133,229,477</b>	<b>62%</b>
Thu nhập khác	780,400	32,645	2291%	4,073,716	1,345,361	203%
Chi phí khác	2,441,147	1,437,895	70%	10,837,235	5,659,481	91%
<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>44,234,990</b>	<b>29,983,318</b>	<b>48%</b>	<b>208,802,851</b>	<b>128,915,357</b>	<b>62%</b>
CP thuế TN hiện hành	16,501,077	12,566,040	31%	47,749,243	13,921,299	243%
CP thuế TN hoãn lại	(8,374,619)	(444,970)	1782%	(19,042,125)	(1,070,851)	1678%
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>36,108,532</b>	<b>17,862,248</b>	<b>102%</b>	<b>180,095,733</b>	<b>116,064,909</b>	<b>55%</b>
<i>% Lợi nhuận sau thuế</i>	8%	4%		11%	8%	
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	36,127,629	17,858,190	102%	180,164,863	116,089,652	55%
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	(19,097)	4,058	-571%	(69,130)	(24,743)	179%

Công ty chúng tôi xin giải trình một số yếu tố liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo này như sau:

Doanh thu bán hàng thuần Quý 4 năm 2018 tiếp tục tăng 5% so với cùng kỳ năm 2017, kết quả đạt được do Công ty đã nỗ lực tối đa hóa lực lượng bán hàng trên toàn quốc, tận dụng nhu cầu thị trường để tăng doanh số.

Chi phí giá vốn hàng bán Quý 4 năm 2018 giảm, chiếm tỷ trọng 63% doanh thu thuần so với 66% số cùng kỳ năm ngoái do trong quý này công ty tiếp tục tăng sản lượng sản xuất, duy trì ổn định giá mua nguyên vật liệu mua vào, giảm chi phí gia công và sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn chi phí sản xuất chung... làm giảm giá thành sản xuất trên đầu sản phẩm, kết quả làm cho tỷ trọng giá vốn hàng bán giảm.

Doanh thu hoạt động tài chính trong Quý 4 năm 2018 tăng so với cùng kỳ năm ngoái nguyên nhân do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản có nguồn gốc ngoại tệ trong năm.

Chi phí hoạt động tài chính trong Quý 4 năm 2018 tăng so với cùng kỳ năm ngoái nguyên nhân do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản có nguồn gốc ngoại tệ trong năm, bên cạnh đó chi phí lãi vay giảm còn ở mức 0,2% doanh thu do Công ty đã thanh toán thêm một phần khoản vay nội bộ nước ngoài có lãi suất ưu đãi khoảng 3% một năm, cuối năm 2018; công ty đã hoàn trả toàn bộ khoản vay cho công ty mẹ.

Trong Quý 4 năm 2018, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ bán hàng như chương trình chiết khấu, các chương trình khuyến mãi, thưởng doanh số đặc biệt cho nhà phân phối và đội ngũ bán hàng, chương trình hỗ trợ điểm bán,... với mục đích duy trì doanh số trong quý và trong thời gian tới làm cho chi phí bán hàng duy trì ở mức cao so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 24% trên doanh thu thuần bằng số cùng kỳ năm ngoái.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm ở mức 2,2 % trên doanh thu thuần so với mức 2,3% cùng kỳ năm ngoái do giảm một số chi phí hoạt động liên quan.

Thu nhập khác trong kỳ thể hiện khoản bồi thường từ một số nhà cung cấp.

Chi phí khác trong quý chủ yếu liên quan đến chi phí khấu hao của một số tài sản không sử dụng trong kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng do Quý 4 năm 2018 công ty đạt tỷ suất lợi nhuận trước thuế trong năm là 13,2 % và đã sử dụng hết lỗ lũy kế từ các năm trước mang sang.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong quý liên quan khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại bổ sung trong kỳ.

Trên đây là một số giải trình kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2018.

Trân trọng cảm ơn.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM  
QUỐC TẾ  
TP. MIỀN HỒ CHÍ MINH ĐÔNG NAI  
Eutaka Ogami  
Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc



No : 174/CV/IFS-2019

Bien Hoa, 30th January 2019

To : - State Securities Commission (SSC)  
 - Hanoi Stock Exchange (HNX)

(Re: Explanatory for Consolidated business results of 4th Quarter 2018)

First we would like to thank you for your continued support.

We would like to provide the result of Consolidated income statement for the 4th Quarter of year 2018 as following:

Unit: VND'000

Descriptions	4th Quarter - 2018	4th Quarter - 2017	%	YTD2018Q4	YTD2017Q4	%
Revenue from sale of goods	512,973,160	478,122,256	7%	1,719,312,753	1,525,892,179	13%
Revenue deductions	59,059,338	43,788,518	35%	141,768,023	105,207,528	35%
<i>Deduction %</i>	12%	9%		8%	7%	
<b>Net revenue</b>	<b>453,913,822</b>	<b>434,333,738</b>	<b>5%</b>	<b>1,577,544,730</b>	<b>1,420,684,651</b>	<b>11%</b>
Cost of sales	286,132,678	285,964,148	0%	953,603,017	918,125,713	4%
<i>COGS %</i>	63%	66%		60%	65%	
<b>Gross profit</b>	<b>167,781,144</b>	<b>148,369,590</b>	<b>13%</b>	<b>623,941,713</b>	<b>502,558,938</b>	<b>24%</b>
<i>GP %</i>	37%	34%		40%	35%	
Financial income	7,628,314	1,635,863	366%	8,463,045	8,594,690	-2%
Financial expenses	8,480,548	2,267,911	274%	11,814,145	11,753,483	1%
<i>In which: interest expense</i>	328,383	1,067,850	-69%	2,444,401	4,496,128	-46%
Selling expenses	110,975,912	106,148,035	5%	369,829,630	330,222,418	12%
<i>Selling expenses %</i>	24%	24%		23%	23%	
General and administration expenses	10,057,261	10,200,939	-1%	35,194,613	35,948,250	-2%
<b>Operating profit (loss)</b>	<b>45,895,737</b>	<b>31,388,568</b>	<b>46%</b>	<b>215,566,370</b>	<b>133,229,477</b>	<b>62%</b>
Other income	780,400	32,645	2291%	4,073,716	1,345,361	203%
Other expenses	2,441,147	1,437,895	70%	10,837,235	5,659,481	91%
<b>Profit (loss) before tax</b>	<b>44,234,990</b>	<b>29,983,318</b>	<b>48%</b>	<b>208,802,851</b>	<b>128,915,357</b>	<b>62%</b>
CIT for the current year	16,501,077	12,566,040	31%	47,749,243	13,921,299	243%
Deferred CIT	(8,374,619)	(444,970)	1782%	(19,042,125)	(1,070,851)	1678%
<b>Profit (loss) after tax</b>	<b>36,108,532</b>	<b>17,862,248</b>	<b>102%</b>	<b>180,095,733</b>	<b>116,064,909</b>	<b>55%</b>
<i>PL %</i>	8%	4%		11%	8%	
Equity holders of the Company	36,127,629	17,858,190	102%	180,164,863	116,089,652	55%
Non-controlling interest	(19,097)	4,058	-571%	(69,130)	(24,743)	179%

We would like to explain several factors related to the results of Consolidated operations as of the reporting period as follows:

Net revenue in 4th Quarter 2018 continuously increased 5% compared with same period in year 2017, resulting from the Company's effort to maximize its salesforth in nationwide and also take advantage in increase sale during this quarter.

Cost of sales (COS) in 4th Quarter was accounting at 63% of net sales comparing to 66% of its respective period of last year, for the Company increased production volume, maintained purchase price of raw materials, reduced the outsource processing fee and utilities the overhead ...causing the reduction of the production cost per case, which resulting in the COS reduced accordingly.

Income from financial activities in the 4th Quarter 2018 increased compared to the same period last year due to the variance of yearend exchange revaluation in the quarter.

Expenses for financial activities in the 4th Quarter 2018 also increased compared to the same period last year due to the variance of yearend exchange revaluation in the quarter. Besides, loan interest was reduced at 0.2 % per net sales due to the Company has made addition repayment for partial of the inter-company off-shore loans with interest rates about 3% per annum. at the end of year 2018, the company have make full repayment for the inter-company off-shore loans

In the 4th Quarter 2018, the company implemented the sales support programs such as discount/ promotion programs, sales incentives for distributors and sales team, programs for outlets... in order to expand the volume of sales for the Quarter and onward. The selling expenses increased and accounting for 24% per net sales same to last period.

General and administration expenses was accounting for 2.2 % of net sale compare with last year 2.3% due to the reduction of several operation cost

Other incomes in this quarter mostly referred to the compensation from several suppliers

Other expenses mostly referred to the depreciation cost of several idled assets which are not use in the period.

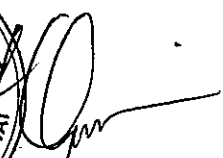
Corporate income tax expense increased due to in this quarter, the Company gain the yearend earnings before tax with ratio 13.2%, beside, the company have fully utilize the tax losses from previous years.

Deferred corporate income tax expense in the quarter mostly related to the recognition of the addition deferred tax assets.

Above are some explanation for operating results of the 4th Quarter 2018.

Thanks and best regards.

CHIEF FINANCIAL OFFICER OF THE COMPANY  
M.S.B.N. 300245631  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM  
QUỐC TẾ  
TP. BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI



Tataka Ogami  
Chairman cum General Director

300245631  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM  
QUỐC TẾ  
TP. BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI